TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 438/2024/DS-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Chính

2. Ông Trần Văn Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Lầu 8, số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, theo văn bản ủy quyền số 2393/2024/UQ-TGĐ ngày 22/4/2024 (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Hoàng H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: C H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Nhật Kinh K - đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/5/2020bà Trương Thị Hoàng Hươngvới Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.4tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.145.990đồng và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.250.732đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã liên tục thanh toán trễ hạn thẻ tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở tuy nhiên đến thời điểm hiện tại bà H vẫn chưa thanh toán dư nợ của thẻ tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ vào ngày 26/9/2022và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57.816.709đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Trương Thị Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/4/2024 là 96.253.229 đồng, trong đó: Nợ gốc là 57.816.709 và Lãi quá hạn là 38.436.520 đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến

hành tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng cung cấp bản sao kê tính đến ngày 26/9/2024 số tiền bà Trương Thị Hoàng H còn nợ là 108.602.869 đồng (Trong đó nợ gốc là 57.816.709đồng và lãi quá hạn là 50.786.160 đồng).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay mà không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bà Trương Thị Hoàng H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ thẻ tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông Nguyễn Nhật Kinh K - đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trương Thị Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bà Trương Thị Hoàng H được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đối với thẻ tín dụng của bà Trương Thị Hoàng H thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 25/6/2020 (ngày phát sinh giao dịch đầu tiên) đến nay, bà H đã giao dịch với tổng số tiền là 49.145.990đồng, bà H chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.250.732đồng. Kể từ ngày 26/9/2022phía ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Như vậy, số dư nợ gốc phát sinh từ thẻ tín dụng còn nợ là 57.816.709 đồng. Căn cứ vào khoản 24.1 Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: "*Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp Đồng*". Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ dư nợ gốc phát sinh còn lại chưa thanh toán trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng với số tiền là 57.816.709 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 24.4 Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: "*Khi vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Tạm ngưng hoặc Chấm Dứt sử dụng Thẻ và thu hồi toàn bộ Dư Nợ…áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của S1…*" nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H kể từ ngày 26/9/2022đồng thời chuyển toàn bộ số dư nợ gốc cuối kỳ chưa thanh toán sang áp dụng lãi suất nợ quá hạn bắt đầu từ ngày 26/9/2022là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn là 50.786.160 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Trương Thị Hoàng H thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân mà các bên đã thỏa thuận.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Thị Hoàng H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 108.602.869 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, [Trong đó, nợ gốc là 57.816.709mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, bảy trăm lẻ chín) đồng, lãi quá hạn là

50.786.160 (Năm mươi triệu, bảy trăm tám mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi) đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Hoàng H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.430.143 đồng (Năm triệu, bốn trăm ba mươi ngàn, một trăm bốn mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.406.330 đồng (Hai triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm ba mươi đồng), theo biên lai thu tiền số 0020320 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng